

Góp phần vào việc làm sáng tỏ phương pháp xã hội học

TUƠNG LAI

Dường như đang có sự "bùng nổ" của cái gọi là "điều tra xã hội học". Trên các báo hàng ngày, hàng tuần, trên các tạp chí, một số sách lý luận, một số báo cáo tổng kết của các quan chức khá nhiều lĩnh vực, chúng ta thường bắt gặp: "qua điều tra xã hội học, ta thấy..." hoặc "chúng tôi đã tiến hành khảo sát xã hội học, kết quả cho thấy là..." v~v...

Nhưng, thế nào gọi là điều tra xã hội học? Thật không đơn giản cho sự trả lời. Chính vì thế, càng khó hơn khi trả lời: thế nào là phương pháp xã hội học? Bởi vì, muốn trả lời câu hỏi này thì phải khu biệt đối tượng, phạm vi của nó để làm nổi rõ sự khác nhau và có thể sự giống nhau ở chừng mực nào đối với phương pháp của các bộ môn khoa học khác: lịch sử, văn học, triết học, dân tộc học v.v...

Chính bởi lẽ đó, ở bản tham luận này, chúng tôi không có tham vọng đưa ra những câu trả lời cho những câu tưởng như đơn giản đó. Đã từng có những cuốn sách dày luận bàn về điều này, và riêng ở thư viện của Viện Xã hội học cũng đã có những cuốn mà bạn đọc có thể tìm thấy ở đó những gợi ý bổ ích. Chúng tôi chỉ muốn từ thực tế triển khai những đề tài nghiên cứu của chúng tôi trong 5 năm trở lại đây trên các lĩnh vực chính sách xã hội, cơ cấu xã hội, dân số, gia đình, ở đây, chúng tôi - với tư cách là người của Viện Xã hội học, buộc phải từ hướng tiếp cận xã hội học để giải quyết những vấn đề về phương pháp và nội dung. Tôi nói là phương pháp và nội dung, đó là nói không theo trình tự logic thông thường. Vì thật ra, phải từ nội dung mà quyết định phương pháp. Song, vì ở đây có một sự áp đặt mang tính định mệnh, phải từ sự tiếp cận xã hội học để tìm hiểu những nội dung đã được ấn định sẵn. Do vậy, phương pháp xã hội học là một áp đặt không bàn cãi, may thay, đó là một áp đặt phù hợp với sự chọn lựa để nhằm tìm ra cái tối ưu trong rất nhiều cái khác.

Bởi vì xã hội học vốn không phải là những gì xa lạ trong khoa học xã hội và rất gần gũi với những tri thức mà chúng ta được tiếp nhận trong một cái khung quen thuộc của những công trình khoa học Mác xít.

Theo G. Gurvitch "Mác là người vĩ đại nhất và ít giáo điều nhất trong số những người sáng lập ra xã hội học... Mác trước hết là một nhà xã hội học, và chính xã hội học là cái quy tụ tất cả các công trình của ông"¹. Còn Henri Lefebvre thì cho rằng "Mác không phải là nhà xã hội học, nhưng có xã hội học trong chủ nghĩa Mác"²

Chỉ có điều, đúng như nhận xét của một người đã có nhiều duyên nợ với xã hội học: "Tay nghề xã hội học không phải tự nhiên mà có, cũng như không thể đưa thợ cơ khí hay thợ điện sang đóng đồ mộc. Đã có lòng tin rằng xã hội học là một ngành khoa học thì cũng có nghĩa là phải tin rằng xã hội học không phải là một việc dễ dàng có được một sớm một chiều, mà phải mất công đào tạo không kém một ngành khoa học nào khác. Không phải đào tạo công phu mà vẫn làm xã hội học thì cũng giống như người bán hàng ở chợ hàng ngày

¹. Trong *Lavocation actuelle de la sociologie*

². Trong *Sociologie de Marx* dẫn lại theo Hồ Hải Thụy trong *Nhìn lại một chặng đường*. Tạp chí *Xã hội học* số 4. 1990, trang 66.

vẫn làm "toán học" một cách xuất sắc"¹. Ấy thế mà, trên thực tế, nhiều anh chị em của chúng tôi ở Viện Xã hội học đã phải vừa như người bán hàng ở chợ hàng ngày làm toán học ấy, vừa mày mò tự học, tự đào tạo qua sách vở, qua những lớp huấn luyện ngắn hạn, và nhất là qua những công việc cụ thể của người làm xã hội học để tự nâng mình lên cho kịp với yêu cầu ngày càng bức xúc của cuộc sống và của nhiều ngành khoa học khác đòi hỏi sự có mặt cơ cấu xã hội học. Quá trình tự đào tạo ấy đương nhiên không tránh khỏi những khiếm khuyết, thậm chí những khuyết tật tai hại, nhưng dù sao thì cũng còn hơn là bó tay chờ đợi những lớp chính quy dài hạn từ các trường đại học trong và ngoài nước.

Vậy thì, trong khi triển khai những nghiên cứu vừa qua, chúng tôi đã vận dụng những cách thức nào để hướng tới những mục tiêu cần phải có.

Nhìn trên đại thể, trong thời gian vừa qua, khi triển khai các đề tài nghiên cứu: "Con người và tiến bộ xã hội ở Quảng Nam - Đà Nẵng", "Cách mạng tư tưởng văn hóa và chiến lược con con người ở Tây Nguyên", "Sự vận động và chuyển đổi cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh kinh tế mới", động thái dân số ở đồng bằng sông Cửu Long", "Về sự phân tầng xã hội ở Hà Nội" v.v... Sự tiếp cận xã hội đã được vận dụng bằng nhiều phương pháp khác nhau, cũng có thể nói là với nhiều dạng khác nhau.

Về mặt thuật ngữ, khái niệm về phương pháp nghiên cứu hay dạng nghiên cứu (Study types) thường được dùng với nhiều ý nghĩa khác nhau mà đôi khi các ý nghĩa đó bị chồng chéo vào nhau. Có nhiều dạng nghiên cứu khác nhau, chẳng hạn như nghiên cứu mô tả (described study), nghiên cứu phân tích (analytical study), nghiên cứu thực nghiệm (experimental study)... Cũng có khi có người gọi phương pháp mô tả, phương pháp phân tích v.v...

Trong thực tế triển khai nghiên cứu các đề tài nói trên thật khó mà tách bạch từng dạng nghiên cứu này với dạng nghiên cứu khác, và tùy thuộc vào các dạng khác nhau đó mà áp dụng các biện pháp thu thập thông tin. Tùy thuộc vào việc xác định mục đích, đối tượng nghiên cứu mà chúng tôi quyết định sử dụng những phương pháp có thể phát hiện và giải thích các vấn đề một cách có hiệu quả nhất. Bởi vì, chúng tôi hiểu rằng đôi khi phương pháp tiến hành nghiên cứu, về một mặt nào đó, là một cách tiếp cận với một vấn đề nghiên cứu².

Để làm sáng rõ hơn những vấn đề này, tôi trình bày kỹ hơn một chút các loại hình phương pháp mà chúng tôi đã áp dụng.

Chẳng hạn, về *nghiên cứu mô tả*. Ở đây bao gồm việc thu thập một cách có hệ thống và mang tính đại diện về những dữ kiện nhằm đưa ra một bức tranh rõ nét về một tình huống nào đó. Ví như diện mạo về cơ cấu nhân khẩu xã hội ở một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ở đây phải có hai dạng (cũng có thể gọi là hai loại hình phương pháp): nghiên cứu định tính (qualitative research) và nghiên cứu định lượng (quantitative research) cùng được triển khai để nhằm hướng tới mục tiêu của việc miêu tả, nhận dạng đối tượng.

Ở nghiên cứu định tính, phải nhằm đạt tới việc phát hiện ra các biến số có quan hệ tương tác với nhau, phản ánh bản chất của một sự việc hay một vấn đề nào đó. Trong nghiên cứu định tính, thái độ trước một vấn đề được đặt ra, chẳng hạn như, với cơ chế khoán hộ của Nghị quyết 10 trong đổi mới quản lý nông nghiệp, các hộ gia đình nông

¹. Hồ Hải Thụy. Tài liệu đã dẫn, trang 63.

². Xem Jacques Hamel. *International Sociological Association / ISA Current Sociology Volume 40. N° 1- 1992. The case method in Sociology.*

dân có những tâm tư và nguyện vọng gì, họ có những dự kiến gì trong việc đầu tư cho sản xuất, cho việc

đa dạng hóa ngành nghề, phân công lao động v.v... Những vấn đề được đặt ra này đương nhiên không phải là cố định mà đang diễn biến, việc miêu tả định tính có thể diễn biến theo thời gian. Cùng với cơ chế khoán hộ nói trên, liệu đã có những gia đình nông dân vượt trội lên trong sản xuất chưa, và làm cách nào để họ có thể đạt điều ấy. Hoặc với cơ chế đổi mới của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường đã khởi động được tính năng động kinh tế của các nhóm xã hội nghề nghiệp như thế nào. Cơ chế thị trường đã đẩy tới sự phân tầng xã hội hay chưa, nếu đã có, thì sự phân tầng ấy diễn ra theo hình thức nào?

Trong triển khai những nghiên cứu định tính thường được tập trung vào mẫu nghiên cứu nhỏ, do vậy vẫn giữ được sự linh động của các biến số và cho phép mô tả sâu các biến số này. Cũng có thể nói được rằng, nghiên cứu định tính là các nghiên cứu khám phá, từ những mẫu nghiên cứu nhỏ để chuẩn bị cho việc triển khai ở mẫu nghiên cứu lớn, có quy mô rộng hơn tiếp theo.

Vì thế, nghiên cứu định tính được bổ sung, chuẩn xác hóa bằng nghiên cứu định lượng. Cũng có thể nói rằng, nghiên cứu định lượng nhằm lượng hóa các biến số được khảo sát. Ở đây thường bao gồm các biến số có thể đo đếm được tương đối dễ dàng. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là các nghiên cứu định lượng thường sử dụng các mẫu lớn, do đó số lượng các biến số có thể bị hạn chế do đó không thể phân tích trải ra nhiều vấn đề quá. Cũng với ví dụ nói trên trong nghiên cứu định tính, việc lượng hóa các chỉ báo về bình quân ruộng đất, công cụ được sử dụng, vốn đầu tư cho sản xuất ngành nghề được phục hồi hoặc phát triển, thu nhập định kỳ và các nguồn thu nhập khác nhau v.v... cho phép chuẩn xác hóa hiệu quả của một chính sách nông nghiệp. Hoặc giả để đo đếm được tính năng động kinh tế, việc lượng hóa bằng những chỉ báo trong nghiên cứu định lượng ở một diện rộng cho phép chuẩn xác hóa những nhận định, làm cho những kết luận từ nghiên cứu định tính có sức thuyết phục hơn.

Bằng những kinh nghiệm rút ra được từ những nghiên cứu vừa qua cho phép chúng tôi hiểu được rằng, thật ra, không thể có sự tách rời giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Một cuộc nghiên cứu xã hội học về một đối tượng đã xác định, thì quá trình triển khai thực hiện nó là quá trình lồng ghép những phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nếu chỉ quá chú trọng lượng hóa các biến số nào đó trong một bảng hỏi, có nghĩa là không chú trọng đúng mức đến nghiên cứu định tính thì rất dễ bị chìm ngập trong một đồng những số liệu và việc tiến hành phân tích sẽ gặp nhiều khó khăn rất khó để làm nổi rõ lên những vấn đề định nghiên cứu. Hơn nữa, các phân tích ấy sẽ không thể được sáng tỏ nếu định hướng ban đầu của việc triển khai nghiên cứu không rành rọt. Việc sử dụng những nghiên cứu định tính trên một mẫu phụ chính là nhằm khắc phục những khiếm khuyết nói trên.

Và chẳng, "một vấn đề lớn còn tồn tại trong nghiên cứu định tính là nhiều khi nó được áp dụng không đúng chỗ. Nói cách khác, đôi khi nghiên cứu định tính lại được tiến hành vào chỗ đáng phải sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng. Hay một nghiên cứu định tính lại được phân tích như thể nó là một nghiên cứu định lượng, đưa ra những kết luận quá cứng nhắc và hấp tấp, hoặc phán đoán các phản ứng của đối tượng phỏng vấn trong khi đáng lẽ cuộc nghiên cứu định tính phải tập trung vào phát triển các giả thuyết và đạt được sự hiểu biết sâu sắc tâm tư của đối tượng"¹

Để có thể làm rõ hơn, tôi đề cập đến một phương pháp mà chúng tôi đã áp dụng trong thời gian vừa qua

¹. AED-HEALTHCOM. Handbook for Excellence in Focus Group Research Mary Debus Porter / Novelli. p.3.

nghiên cứu trường hợp (case study).

48 Diễn đàn ...

Nghiên cứu trường hợp còn gọi là phương pháp trường hợp hoặc là phương pháp trạng huống (case method), hoặc cũng có thể xem là nghiên cứu chuyên khảo (monographic study), có khi người ta gọi là cách tiếp cận chuyên khảo (monographic approach).

Chỉ riêng thuật ngữ "case study" cũng bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau và đôi khi mâu thuẫn với nhau. Nghiên cứu trường hợp có thể hiểu một cách đơn giản là nghiên cứu một hoặc nhiều trường hợp riêng nhằm một mục đích chung nào đó trong một nghiên cứu xã hội học.

Một nghiên cứu trường hợp thường bao gồm những đặc trưng sau: nó là một nghiên cứu về một hay nhiều trường hợp riêng bao hàm cả việc quan sát, thiết lập lại và phân tích những trường hợp được nghiên cứu. Và nếu như thế thì, theo J. Hamel nghiên cứu trường hợp cũng là một nghiên cứu sâu về trường hợp đó (indepth study) và cũng do đó, người ta phải nói rằng, chính nghiên cứu sâu đã xác lập nên đặc trưng thứ hai của phương pháp này. Tác giả của quan niệm trên đã dẫn ra những ví dụ mà theo ông ta, một trong những mục đích của nghiên cứu trường hợp là làm nổi bật các đặc tính của những quan hệ xã hội thiết lập nên một nhóm, một thiết chế hay một vị trí nào đó, ví dụ như làng xã. Trong bối cảnh đó, làng xã hay thiết chế được xem như một loại thế giới vi mô cho phép người nghiên cứu nhận ra những nét đặc trưng của các mối quan hệ xã hội. Một khi làng xã hay một thiết chế nào đó được xác định rõ ràng về mặt phương pháp luận thì người ta có thể đi tới kết luận rằng những đặc tính bộc lộ từ trường hợp này có thể làm căn cứ để nhìn nhận về xã hội nói chung¹.

Trong năm qua, chúng tôi đã sử dụng nhiều case study kiểu này. Những nghiên cứu về xã Phước Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; xã Điện Hồng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng; xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây để từ đó nhận diện về sự biến động của cơ cấu nhân khẩu xã hội, về sự chuyển đổi của cơ cấu xã hội nghề nghiệp, phân tích về tác động của những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới ở nông thôn để từ đó dự báo được nhiều chiều hướng phát triển về những vấn đề xã hội bức xúc đang đặt ra cần giải quyết. Những "case study" này góp phần làm sáng tỏ những chủ đề nằm trong những đề tài nghiên cứu cấp nhà nước trong chương trình A, B do Viện Xã hội học đảm nhiệm (A601 và B304).

Quá trình triển khai những nghiên cứu trường hợp kiểu loại như trên đều sử dụng cả phương pháp định tính lẫn phương pháp định lượng, trong đó, kỹ thuật sưu tập các dữ liệu hay còn gọi là phương pháp thu thập thông tin rất được coi trọng.

Các phương pháp thu thập thông tin thường hay được sử dụng bao gồm việc quan sát, phỏng vấn lấy các số liệu thống kê có sẵn và quan trọng nhất là thu thập qua bảng hỏi để có thể có một số lượng thông tin có độ chính xác cao và hàm lượng thông tin phong phú, do có sự cẩn nhắc kỹ trong việc *xây dựng các chỉ báo*.

Ở đây cần ghi nhận một ý tưởng đúng: "Ở những nơi mà thống kê không đụng được tới, thì xã hội học vẫn có cách đi riêng của nó. Chính vì vậy mà khái niệm "chỉ báo" là quan trọng biết bao trong nghiên cứu xã hội học. Vận dụng đúng một hệ thống chỉ báo nào đó, người ta có thể biết - hoặc ít ra có thể đoán chắc - một tình hình có thật nào đó mà không cần có con số chính xác và đầy đủ do thống kê đem lại"². Việc xây dựng *hệ thống chỉ báo*, vì vậy, theo kinh nghiệm của chúng tôi, quyết định một phần quan trọng của việc triển khai nghiên cứu

¹. Xem J. Hamel - Tài liệu đã dẫn.

². Hồ Hải Thụy. Tạp chí *Xã hội học* số 4. 1990, trang 65.

xã hội học với một đối tượng đã được xác định. Cũng có thể nói được rằng, xây dựng được hệ thống chỉ báo có chất lượng cao là yếu tố quyết định sự thành công của một

phương pháp nghiên cứu xã hội học thông dụng đang được vận hành rộng rãi ở nhiều nơi trong nước ta hiện nay: phương pháp trưng cầu ý kiến bằng an-két hay phỏng vấn bằng hỏi đã được in sẵn. Đúng là "trên thực tế thì một phương pháp phổ cập nhất không có nghĩa là đơn giản nhất. Về thực chất tiến hành một cuộc nghiên cứu xã hội học bằng an-ket có thể xem như là việc xây dựng và giải một bài toán về một vấn đề xã hội cụ thể, với một mô hình và những biến số nhất định trên cơ sở giao tiếp bằng lời hoặc văn bản giữa những người tham gia nghiên cứu.

Việc tìm hiểu không kỹ lưỡng phương pháp này, xem thường những chỉ dẫn nhỏ nhặt nhất, cũng như toàn bộ quy trình tiến hành một cuộc nghiên cứu đều có thể dẫn đến những kết quả không mong muốn"¹.

Những thao tác và những công đoạn cần thiết của việc soạn thảo một an-két xã hội học và triển khai việc thực hiện nó đã được tác giả của nhận định trên trình bày trong bài "Góp phần hoàn thiện phương pháp an-két trong nghiên cứu xã hội học mà Tạp chí *Xã hội học* số 4.1990 đã có dịp giới thiệu toàn văn, ở đây tôi không nhắc lại. Điều tôi muốn nhấn mạnh là tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống chỉ báo được sử dụng trong an-két và việc đầu tư trí tuệ và thời gian cần thiết cho công việc quan trọng đó.

Có nhiều cách tiến hành xây dựng hệ thống chỉ báo đó, ở đây tôi đặc biệt lưu ý rằng, theo chúng tôi, hệ thống chỉ báo ấy là công cụ thao tác của tư duy nhằm hướng tới một ý tưởng nghiên cứu đã được xác lập một cách sáng tỏ.

"*Ý tưởng nghiên cứu*" -đúng vậy. Không có một ý tưởng nghiên cứu sáng tỏ thì không có định hướng rõ ràng cho việc xây dựng hệ thống chỉ báo xã hội học, và do đó lượng thông tin thu nhận được sẽ không giúp làm sáng tỏ mục tiêu của một cuộc nghiên cứu xã hội học.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, tôi muốn dẫn ra đây ý kiến của Pierre Ansart trong công trình mới nhất của ông ta "*Các xã hội học hiện đại*":

"Đối lập với chủ nghĩa kinh nghiệm xã hội học đã tuyên bố tôn trọng sự kiện thô, dường như hiện thực được đem lại cho nhà quan sát trong sự đầy đủ một công việc cấu tạo lại hay tốt hơn, theo sự diễn đạt của Bachelard - một công việc xây dựng.

Công việc xây dựng đó lộ ra ở các trình độ nghiên cứu khác nhau, dù là xây dựng hệ thống các quan hệ, hay là xây dựng các sự kiện bộ phận. Người ta sẽ kiểm tra công việc đó tốt hơn nữa trong việc xây dựng và thao tác *khái niệm lĩnh vực*... Một lĩnh vực tri thức như vậy chắc chắn là được xây dựng bởi nhà xã hội học và chính là thông qua công việc xây dựng đó, ông ta tự đem lại cho mình đối tượng của ông ta. P. Bourdieu nhắc lại trích dẫn sau này của Saussure về vấn đề đó: "*Quan điểm tạo ra đối tượng*" và những chỉ dẫn của Mác và Max Weber cũng nói lên những ý kiến giống như thế, nhấn mạnh rằng sự xây dựng một đối tượng nghiên cứu phát sinh từ sự cấu tạo những quan hệ khái niệm mới. Song việc xây dựng đó chắc chắn là không độc đoán: nó trở thành có khả năng do các hiện thực lịch sử - xã hội ...

...Theo các nguyên tắc chung của Max Weber, nhận thức xã hội học là một công việc cấu tạo các quan hệ và các khái niệm xuất phát từ các hiện thực xã hội vô cùng phức tạp"².

"*Quan điểm tạo ra đối tượng*" cách nói đó được sử dụng ở đây với hàm ý nhấn mạnh vào việc xác định cho được *ý tưởng nghiên cứu* ngay từ khi bắt tay vào việc xây dựng đề cương nghiên cứu cho một công trình nghiên cứu xã hội học. Ý tưởng nghiên cứu đó sẽ ngày càng sáng tỏ lên trong quá trình vận hành những thao tác nghiên cứu dưới nhiều hình thức,

¹. Trịnh Duy Luân. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4/1990, trang 58.

². Pierre Asart - *Les sociologies contemporaines* - Editions du Semil. Septembre 1990. p. 39, 40.

nó được hoàn thiện dần và tạo nên cảm hứng dẫn dắt người nghiên cứu đi sâu vào đối tượng hiện thực để phát hiện ra những dữ kiện lý thú làm nổi rõ lên dần mục tiêu hướng tới. Tuy vậy cũng có trường hợp ý tưởng nghiên cứu được phác thảo trong đề cương sẽ bị chính những thao tác thực tiễn bề gãy để do vậy mà nhà nghiên cứu phải dừng cảm nhận nhận để xác lập lại một ý tưởng nghiên cứu mới. Trong trường hợp này sự bác bỏ ý tưởng nghiên cứu được đề ra cần được xem như là sự phủ định để đạt tới một phản đề, và từ phản đề ấy mà xây dựng ý tưởng mới trong công trình nghiên cứu được tiếp tục tiến hành. Ở đây, sự chứng minh cho một sai lầm trong nghiên cứu khoa học đến lượt nó, lại là sự khẳng định cho một ý tưởng đúng được nảy sinh từ sự sai lầm đã được chứng minh.

Ý tưởng nghiên cứu được sáng tỏ dần, hoàn thiện dần và trở thành cảm hứng thúc đẩy người nghiên cứu chúng tôi cảm nhận rõ điều này trong trường hợp nghiên cứu một đề tài trong Chương trình nghiên cứu về Tây Nguyên, mã số 48C, một chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước được triển khai với một đội hình lớn.

Thoạt ban đầu, Ban chủ nhiệm yêu cầu chúng tôi phải nhận đề tài: Cách mạng tư tưởng - văn hóa ở Tây Nguyên, một sự áp đặt không thể từ chối vì đó là trách nhiệm của khoa học xã hội. Ý tưởng nghiên cứu ban đầu thật là mông lung. Nhưng trải qua nhiều chuyến đi, tìm hiểu thực tế, suy nghĩ về đối tượng và dần dần, một vấn đề nổi lên: các cộng đồng người Kinh sống với các cộng đồng cư dân bản địa, hai sự khác biệt về lối sống, về cung cách làm ăn, về trình độ văn hóa, phong tục tập quán, và ngay giữa các cộng đồng người Kinh cũng có sự khác biệt rất rõ nét giữa những cộng đồng người Kinh sinh tụ tại Tây Nguyên trước năm 1975 và các cộng đồng kinh tế mới vừa định cư ở Tây Nguyên vài năm. Từ vấn đề nổi cộm lên đó, một ý tưởng nghiên cứu được bật ra và sáng tỏ dần: *"Mối tương tác và khả năng hội nhập giữa các cộng đồng cư dân này và vấn đề phát triển Tây Nguyên"*. Khả năng này có hay không có thì do đâu và không là do đâu? Những nghiên cứu định tính gắn với nghiên cứu định lượng về cơ cấu nhân khẩu xã hội, cơ cấu nghề nghiệp xã hội, mức sống, nguồn thu nhập, trình độ học vấn, tính cơ động xã hội v.v... giúp làm nổi rõ khả năng ấy và từ đó mà dẫn đến những dự báo về chiều hướng vận động của chúng, cộng đồng cư dân bản địa, cộng đồng người Kinh lên Tây Nguyên trước 1975 và cộng đồng kinh tế mới. Chúng tôi dẫn ra đây đoạn kết trong báo cáo tổng kết của đề tài nghiên cứu nói trên đã được nghiệm thu và đã in thành sách:

"Những nghiên cứu khoa học, nếu đúng là có sự nghiên cứu ấy, thì phải từ những thực tế của đời sống, từ những quá trình sống động thực tiễn để đi đến những kiến giải chứ không phải là từ những công thức đã được học thuộc lòng. Chúng tôi đã cố gắng làm như vậy làm được đến đâu thì còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, song hướng nghiên cứu của chúng tôi là đi theo sự chỉ dẫn của quan điểm đó

Trong quá trình tiến hành những cuộc khảo sát xã hội học để tìm ra những giải pháp cơ bản cho cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa nhằm thực hiện chiến lược con người ở Tây Nguyên, chúng tôi nhận thức rằng cơ cấu xã hội là năng động, đang phát triển chứ không là tĩnh tại và xơ cứng. Trên quan điểm tiếp cận hệ thống, chúng tôi nhìn nhận từng nhóm xã hội, từng cộng đồng cư dân trong mối quan hệ với cả nước. Mỗi nhóm xã hội, mỗi cộng đồng ấy là một bộ phận trong tổng thể, vùng lãnh thổ đặc thù, và đến lượt nó, tổng thể ấy lại là một bộ phận trong tổng thể lớn hơn, cả nước.

Mối tương tác, sự đung độ và sự hòa nhập giữa các cộng đồng cư dân ở Tây Nguyên chính là động lực của sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội. Định hướng xã hội của sự phát triển ấy sẽ là tiền đề cơ bản nhất, quy định sự phát triển của mỗi cộng đồng. Sự phát triển đó chỉ có thể diễn ra trong sự ổn định tương đối của nó do nhiều yếu tố về chính trị, kinh tế, văn hóa tạo ra. Không có ổn định xã hội sẽ không có phát triển kinh tế và sự phát

triển kinh tế sẽ làm cho tính ổn định xã hội bị phá vỡ để tạo ra một sự ổn định mới, cao hơn phù hợp với trình độ mới của kinh tế.

Mọi giải pháp về tư tưởng văn hóa đều phải hướng vào mục tiêu của sự ổn định và phát triển đó, mà trung tâm của mọi giải pháp là ở sự quan tâm đến con người, là sự nhận thức sâu sắc về nhân tố con người trong sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Không phải là con người trừu tượng, mà là con người cụ thể, thành viên của các cộng đồng cư dân đang sống trên vùng lãnh thổ đặc thù này của đất nước: Phải tạo ra cho con người những cơ hội khác nhau để cùng nhau phát triển, song sự phát triển đó sẽ còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, vào năng khiếu và phẩm chất của từng cá nhân. Hãy để cho sự phát triển đó phục tùng các quy luật nội tại của chúng, không có những thúc bách trói buộc hẹp hòi và định kiến.

Khi mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội và mỗi cộng đồng đều nhận ra được hướng thẳng tiến của họ, xã hội sẽ tìm ra nguồn động lực mới của sự phát triển".¹

Đề tài này được sự đánh giá cao của Hội đồng nghiệm thu, theo chúng tôi, là do đã được triển khai với một ý tưởng nghiên cứu đúng. Từ ý tưởng đó mà xây dựng được một hệ thống chỉ báo tốt, hình thành được một bảng hỏi hợp lý kết hợp được nhiều yếu tố giúp thu thập được những thông tin có hàm lượng cao. Ý tưởng nghiên cứu đúng cho phép hình thành những giả thuyết nghiên cứu có khả năng dẫn dắt các bước nghiên cứu đi tới mục tiêu của đề tài, loại bỏ những dữ kiện pha tạp, những thông tin không cần thiết.

Về kinh nghiệm này, cũng có thể dẫn ra ví dụ của đề tài nghiên cứu về bốn quận nội thành Hà Nội mà Viện Xã hội học tiến hành. Ý tưởng về chọn trục đường tàu điện Hà Nội - Hà Đông cũ, lấy ngẫu nhiên từ 4 phường nằm dọc theo tuyến đường ấy đại diện cho 4 quận, và tiếp theo đó, trong bước 2, chọn mẫu ngẫu nhiên qua 3 trường Phổ thông cơ sở lấy từ trung tâm khu Hoàn Kiếm, mở ra hai vòng đai ô Chợ Dừa và Ngã Tư Sở để qua giáo viên và học sinh mà đến với hộ gia đình để tìm hiểu sự phân tầng xã hội và tái tạo văn hóa qua phân tầng đó, cũng có thể xem là một ý tưởng nghiên cứu đúng, hứa hẹn những kết quả tốt.

Chính từ thực tiễn nghiên cứu này, chúng tôi hiểu được rõ hơn điều đã dẫn ra ở trên "Theo các nguyên tắc chung của Max Weber, nhận thức xã hội học là một công việc cấu tạo các quan hệ và các khái niệm xuất phát từ các hiện thực xã hội vô cùng phức tạp. Việc hình thành ý tưởng nghiên cứu bắt nguồn từ một khung lý thuyết đúng sẽ giúp cho việc nắm bắt được cái cốt lõi cần đạt tới trong hiện thực xã hội vô cùng phức tạp ấy. Không có ý tưởng nghiên cứu đúng, những nghiên cứu xã hội học sẽ chỉ gặt hái được một mớ hỗn độn những con số mà bản thân chúng không nói lên được cái gì cả. Song, những con số ấy - sản phẩm của nghiên cứu định lượng - sẽ sống động hẳn lên khi nó nhằm chứng minh cho một ý tưởng nghiên cứu đã được xây dựng từ một lý thuyết đúng. Tôi nghĩ rằng, ở đây, cần phải nhắc đến một luận điểm của Mác "Tư tưởng cố sức biến thành hiện thực vẫn chưa đủ, bản thân hiện thực cũng phải cố sức hướng tới tư tưởng"².

Ấy vậy nhưng, hình thành cho được ý tưởng nghiên cứu đúng, xuất phát từ một lý thuyết trong nghiên cứu xã hội không hề là sự áp đặt chủ quan những mong muốn, những ý đồ có sẵn lắp ghép vào hiện thực đang vận động. Nhà xã hội học tuyệt đối không thể làm cái việc đeo chân cho vừa giày!

¹. *Tây Nguyên trên đường phát triển*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội. 1989, trang 220, 221.

². Các Mác. "*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe*n" Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 29

Khi đề ra "*Các nguyên tắc của phương pháp xã hội học*" Emile Durkheim đòi hỏi một cách nghiêm khắc rằng: "*Nguyên tắc đầu tiên và căn bản nhất là coi các sự kiện xã hội như các sự vật*"¹. Ông phê phán một cách gay gắt khuynh hướng "Thay cho việc quan sát các sự vật, miêu tả chúng, so sánh chúng với nhau, chúng ta bằng lòng với các ý tưởng của chúng ta, phân tích các ý tưởng đó. Thay cho một khoa học về các hiện thực, chúng ta chỉ còn làm có một sự phân tích tư tưởng. Chắc chắn sự phân tích đó không loại trừ tất yếu mọi quan sát. Người ta kêu gọi các sự kiện để xác nhận các khái niệm đó hoặc những kết luận mà người ta từ đó rút ra được. Nhưng khi đó các sự kiện chỉ can thiệp thứ yếu mà thôi, với tư cách những ví dụ hoặc những bằng chứng xác nhận, chúng không phải là đối tượng của khoa học. Ở đây, khoa học đi từ các tư tưởng đến các sự vật, chứ không phải từ các sự vật đến các tư tưởng. Rõ ràng là phương pháp đó không thể cho kết quả khách quan"².

Từ sự phê phán ấy, nhà xã hội học bậc thầy này vạch rõ ràng: nào đó, chúng ta phải nghiên cứu các hiện tượng xã hội trong bản thân chúng, tách khỏi các chủ thể có ý thức đã thể hiện chúng, cần nghiên cứu chúng từ bên ngoài như các sự vật bên ngoài, vì chúng hiện ra với chúng ta cũng chính là với tính chất đó. Nếu như tính ngoại tại ấy chỉ là bề ngoài thì ảo tưởng sẽ tan biến dần trong quá trình khoa học tiến lên và người ta sẽ thấy, có thể nói là, cái bên ngoài đi vào cái bên trong"³.

Durkheim nhấn mạnh rằng *tính chất qui ước của thột thực tiễn hay của một thiết chế không bao giờ được giả định*⁴. Do vậy, theo ông "Hệ luận đầu tiên trong các hệ luận đó là: *cần phải gạt bỏ một cách có hệ thống tất cả các tiên khái niệm*" (prénotions) và ông cho điều ấy "là cơ sở của mọi phương pháp khoa học"⁵. Vì thế, hoặc là lúc xác định đối tượng nghiên cứu của mình, hoặc là trong quá trình của những sự chứng minh của mình, nhà xã hội học phải tự nghiêm cấm mình thật kiên quyết không sử dụng các khái niệm đã hình thành ở ngoài khoa học và vì những nhu cầu không có gì là khoa học hết. Nhà xã hội học phải tự giải phóng cho mình khỏi những bằng chứng sai lầm đã thống trị tinh thần của những người dung tục, ông ta phải rũ bỏ, một lần xong xuôi tất cả cái công xiêng của những phạm trù kinh nghiệm ấy mà một thói quen lâu dài với các phạm trù đó cuối cùng thường làm cho chúng trở thành tàn bạo. Ít nhất, đôi khi, nếu ông ta buộc phải sử dụng đến các phạm trù ấy, thì ông ta cứ sử dụng, nhưng phải ý thức được cái giá trị ít ỏi của chúng để không cho chúng đóng một vai trò mà chúng không xứng đáng trong học thuyết⁶.

Vậy thì liệu những đòi hỏi nghiêm ngặt của Durkheim có mâu thuẫn với việc hình thành những ý tưởng nghiên cứu từ một khung lý thuyết sáng tỏ từ trước khi bắt tay xây dựng một hệ thống chỉ báo làm cơ sở cho việc hình hành những an-kết xã hội học để thu thập những thông tin có chọn lọc và quy tụ vào những chủ đề định nghiên cứu? Theo chúng tôi là không. Ý tưởng nghiên cứu không là "tiên khái niệm" được áp đặt sẵn. Cái mà Durkheim đòi hỏi nhà xã hội học phải rũ bỏ chính là những thiếu thốn, những ý chủ quan có sẵn trước khi bắt tay vào việc khảo sát hiện thực. Những thiên kiến, những ý đồ chủ quan có sẵn ấy sẽ làm mất tính khách quan trong việc nắm bắt hiện thực, sẽ là những lời "mớm cung" cho các phỏng vấn qua bảng hỏi để cố tìm những thông tin nào phù hợp với cái mà người khảo sát mong muốn và cố gạt bỏ những thông tin phản bác lại những ý đồ có sẵn ấy. Đáng buồn thay, cũng đã có những trung cầu ý kiến được xem là điều tra xã hội học được tiến hành theo kiểu ấy. Cái chau mày của một nhà lãnh đạo nào đó trước một số liệu phần trăm của

^{1,2} Emile Durkheim. "*Les règles de la méthode sociologique*" Quadrige/PUF. Édition - 1992. Juin p. 15, 16.

³. E. Durkheim. Sách đã dẫn. p. 28, 31, 32.

^{4,5,6}. Edurkheim. Sách đã dẫn. p. 28, 31, 32.

một cuộc thăm dò ý kiến được đúc kết, đủ làm cho những số liệu ấy phải điều chỉnh cho phù hợp với sự an lòng của ai đó và khỏi phạm vào tội bôi đen hiện thực. Trong những trường hợp ấy, những sản phẩm gọi là khoa học ấy ngỡ là những liều thuốc an thần, song đối với cuộc sống thì chính là những liều thuốc độc. Vấn đề chính là phải nhìn sự vật đúng như nó đang tồn tại. Có lẽ cũng là tiền đề của một đòi hỏi bức xúc của việc "nhìn thẳng vào sự thật và nói đúng sự thật". Cũng ở báo cáo tổng kết về đề tài Tây Nguyên đã dẫn ra ở trên, chúng tôi có kiến nghị "phải chấm dứt cách tường trình một nửa sự thật. Cần làm quen với ý nghĩ cho rằng nói một nửa sự thật còn tệ hơn là nói dối"¹.

Do vậy, Durkheim hoàn toàn có lý khi ông ta đòi hỏi: "Việc làm thứ nhất của nhà xã hội học do vậy, phải là định nghĩa các sự vật ông ta xử lý để người ta biết và ông ta cũng biết được đó là vấn đề gì. Đó là điều kiện đầu tiên và cần thiết nhất của mọi bằng chứng và mọi sự kiểm nghiệm; thực vậy, một lý luận chỉ có thể được kiểm tra nếu người ta biết nhận ra các sự kiện mà nó phải nhận thức"².

Có lẽ cần phải có một sự diễn đạt kỹ lưỡng hơn về chỉ dẫn của Durkheim, song điều ấy sẽ quá dài, đối với một bản tham luận, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh ở sự đòi hỏi nghiêm ngặt về tính khách quan trong các thu thập thông tin, phân tích hiện thực để đi đến nhận thức được một bước tranh gần sát đúng với hiện thực trong nghiên cứu xã hội học. Để đạt được tính khách quan đó, việc chọn lựa những phương pháp thích hợp, đôi khi sẽ lại là yếu tố quyết định sự thành công.

Vấn đề cuối cùng, và có lẽ là vấn đề lúc nào cũng cần phải thường xuyên nhắc đến là: con người tiến hành làm những công việc định tính và định lượng ấy. Sự có mặt của con người nghiên cứu, năng lực nắm bắt hiện thực của họ, trình độ tư duy nhằm phát hiện ra bản chất của vấn đề nghiên cứu khoa học và nếu chính con người ấy là điều tra viên thì cần phải có kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong các tình huống với đối tượng khảo sát. Hiện nay quả là chúng ta đang thiếu những con người như vậy, cho nên, vấn đề đào tạo, tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu xã hội học đang là một vấn đề gay gắt.

Tuy nhiên, muốn đào tạo và tự đào tạo tốt một đội ngũ những nhà xã hội học thì vấn đề có ý nghĩa quyết định lại là: trên một cơ sở lý luận nào để đào tạo? Trong cuốn sách của Piene Ansart mà chúng tôi dẫn ra ở trên, ông ta có nhận định "Dựa vào các đường lối rất chung của lĩnh vực kiến thức khoa học xã hội cho đến giữa thế kỷ XX, và chọn làm tượng trưng Mác, Durkheim và Weber người ta có thể thấy ở đó có ba trào lưu rộng lớn, đối lập nhau, hướng về ba nhà khoa học luận xã hội học và ba cách nhìn khác nhau về các xã hội công nghiệp. Mác kêu gọi vượt qua các biên giới quốc gia để xây dựng lên một khoa học về các phương thức sản xuất, và với những phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là xây dựng một khoa học về các mâu thuẫn giai cấp. Durkheim kêu gọi nhân nhiều lên các công trình nghiên cứu một cách khách quan thông qua các phương pháp khách quan của chúng. Không gạt bỏ các mục tiêu của Durkheim, Max Weber đề nghị hãy nghi ngờ một sự khách quan hóa có thể có đối với các thể chế để nhấn mạnh đến khoảng cách không thể vượt qua được giữa các khoa học tự nhiên và các khoa học con người"³. Khi đề cập đến vấn đề "Chủ nghĩa Mác và các khoa học xã hội", nhà triết học và xã hội Pháp này có nhận xét "Trong các hệ khái niệm hiện đại khác nhau, những sự chú ý đến các chiến lược và các quyết định cá nhân, đến những cuộc cạnh tranh và xung đột nhiều lên, đến những sự giao tiếp và

¹. *Tây Nguyên trên đường phát triển* Nhà xuất bản khoa học xã hội. Hà Nội. 1989, trang 157.

². E. Durkheim. Sách đã dẫn, trang 34.

³. Pierre Ansart. "*Les sociologies contemporaines*". p. 10

đến các hiện tượng xã hội học vi mô đã hội tụ với nhau để gạt bỏ một cách nhìn kinh tế chủ nghĩa và quyết định luận.

Hệ khái niệm mác - xít, do sự nhất quán của nó về tầm quan trọng lịch sử của nó, đã không ngừng cấu tạo ra một mô hình điển hình của các khoa học xã hội và một đối tượng đặc biệt phong phú cho sự suy nghĩ xã hội học"¹.

Song kết thúc cho chương mục bàn về đối tượng của xã hội học, Piene Ansart đã nêu lên 4 lý thuyết khác nhau trong khi tiếp cận vấn đề đang được tranh cãi hiện nay, đó là: "Trong phần này chúng tôi đã phác họa những câu trả lời của bốn sự lý thuyết hóa mà chúng tôi phân biệt, cho vấn đề đầu tiên: vấn đề đối tượng của xã hội học. Nếu qui bốn câu trả lời đó về vài từ mà có tác dụng làm sáng tỏ, thì chúng tôi có thể phân biệt chúng bằng bốn biểu thức đơn giản hóa sau đây: đó là sự nghiên cứu về: 1) các cấu trúc quyết định, 2) các sự năng động xã hội, 3) các hệ thống tổ chức, 4) các ứng xử cá nhân và sự kết hợp của chúng với nhau.

Nhưng điều quan trọng là phải vạch rõ tất cả các hậu quả của sự lựa chọn đó và làm xuất hiện những sự lựa chọn ấy phù hợp bao nhiêu với bốn tầm lưới khác nhau của các thực tế xã hội. Để làm việc đó, chúng tôi phải đối chiếu những câu trả lời của chúng vào các vấn đề chọn lọc trong số các vấn đề chung nhất của xã hội học: sự nghiên cứu về những xung đột và về những hệ thống tương trưng"².

Trước mắt chúng ta, đang có hàng loạt những vấn đề phải giải quyết không chỉ về phương pháp mà trước hết là vấn đề lý thuyết xã hội học. Chúng tôi mong sẽ có sự phối hợp tốt giữa những người có quan tâm đến vấn đề này để có thể đạt được những thành tựu mới. Vấn đề phương pháp xã hội học quả là một vấn đề bức xúc đang nổi lên, song chỉ có thể giải quyết được vấn đề phương pháp trên cơ sở một lý thuyết xã hội học tiên tiến. Mà để có thể có được một lý thuyết xã hội học tiên tiến sẽ còn rất nhiều việc phải làm trong khi sự hiểu biết và kinh nghiệm của chúng ta trên lĩnh vực này lại đang quá ít ỏi.

Một số vấn đề phương pháp nghiên cứu chính sách xã hội từ cách tiếp cận xã hội học

TRỊNH DUY LUÂN

1/ Hai nội dung của khái niệm chính sách xã hội

Vấn đề nghiên cứu cơ cấu xã hội và chính sách xã hội những năm gần đây được bàn đến khá sôi nổi trong các nghiên cứu khoa học xã hội, trong đó có xã hội học. Tuy nhiên

¹. Piene Ansart. "*Les sociologies contemporaines*". p. 33

². Pierre Ansart. "*Les sociologies contemporaines*" p.92

việc làm sáng tỏ các khái niệm then chốt như cơ cấu xã hội chính sách xã hội vẫn còn là vấn đề còn đang tranh cãi. Vậy mà thực tế vẫn buộc chúng ta phải bắt tay tiến hành các nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực này. Vì thế, trở lại với một số quan điểm phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, cho dù là khái quát, thiết nghĩ là không thừa, trái lại còn là điều cần thiết cấp bách.

Từ cách tiếp cận xã hội học, trước hết chính sách xã hội được xem "là một lĩnh vực nghiên cứu trong đó, phải tiến hành các khảo sát về các phương diện kinh tế, chính trị, luật pháp và xã hội học về *cách thức mà các chính sách của chính phủ trung ương và địa phương tác động tới đời sống của cá nhân và các cộng đồng*" (Tư điển Harper Collins về xã hội học, N.Y. 1991, trang 457-458).

Ở đây khái niệm chính sách xã hội mang hai nội dung khá đặc biệt *Thứ nhất, chính sách xã hội như là một lĩnh vực nghiên cứu xã hội học*. Trong trường hợp này rất cần định rõ đối tượng nghiên cứu của nó. Đối tượng đó không phải là bản thân các chính sách mà là *cách thức* (con đường, quá trình) mà các chính sách đó tác động tới các nhóm xã hội, các tầng lớp dân cư, cũng như các phản ứng của dân cư đối với các chính sách được ban hành. Nhà xã hội học không phải là người lập chính sách (kinh tế hay xã hội), cũng không phải là những người chỉ phê phán hoặc thuyết minh chính sách Nhà xã hội học quan tâm khảo sát xem các chính sách kinh tế - xã hội cụ thể đã đi vào đời sống, đi vào các nhóm xã hội khác nhau trong dân cư như thế nào. Họ phản ứng, đón nhận, phục tùng, biến thể hoặc chống lại nó ra sao bằng cách đó cung cấp những thông tin ngược (feedback) cho các nhà lập chính sách. Vấn đề còn lại là: vậy phải sử dụng các phương pháp, kỹ thuật xã hội học cụ thể nào để xác định, đo lường, phản ánh (thông qua các chỉ báo định tính và định lượng) đối tượng nghiên cứu vừa nói. Đó là bước thứ 2 "bước thao tác hóa" nội dung nghiên cứu và các khái niệm thành các chỉ báo cụ thể, một bước rất quan trọng trong nghiên cứu xã hội học.

Thứ hai, vai tính cách là một hệ thống chính sách cụ thể nào đó, chính sách xã hội cần được hiểu là những chính sách gì? Trong xã hội học, thuật ngữ chính sách xã hội đã từng được hiểu (cho dù là chưa chính xác) trong một văn cảnh như là sự quản lý xã hội về mặt hành chính. Ở đó người ta quy nó về các dịch vụ được thể chế hóa và do phúc lợi nhà nước bảo đảm như nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, an sinh xã hội, các dịch vụ xã hội cho cá nhân và đôi khi cả luật pháp nữa. Điều này có nguồn gốc từ các bài giảng về chính sách xã hội khi đào tạo các cán sự xã hội. Với quan niệm như vậy, các nghiên cứu thường tập trung xem xét cách thức mà nhà nước đảm đương một trách nhiệm xã hội bằng cách can thiệp vào nền kinh tế thị trường để củng cố phúc lợi cho các cá nhân. Quan niệm chưa thật chính xác này nhiều khi dẫn đến một sự phân biệt thái quá giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Trên thực tế thì không có một ranh giới rạch ròi giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Và bất kỳ một chính sách kinh tế nào cũng đều trực tiếp hay gián tiếp đụng chạm đến các khía cạnh xã hội vừa kể trên của đời sống cá nhân và cộng đồng. Vì thế cũng như trong nội dung thứ nhất của thuật ngữ (chính sách xã hội như là một lĩnh vực nghiên cứu), cách tốt nhất là ta sẽ khảo sát những *tác động xã hội* của các chính sách (kinh tế hay xã hội) tới các nhóm xã hội, các tầng lớp dân cư. Ở đây sự nhấn mạnh thuộc về *quá trình vận hành* của các chính sách và *hệ quả xã hội*, phản ứng với các chính sách hơn là xuất xứ nguồn gốc của các loại chính sách.

Đặc biệt trong bối cảnh kinh tế - xã hội ở ta hiện nay, các chính sách quản lý kinh tế xã hội ngày một đổi mới phong phú. Chúng là nguồn gốc tạo ra những biến đổi xã hội, vận động xã hội, cơ động xã hội tạo ra các nhóm xã hội mới và các quan hệ xã hội mới. Đó thực sự là những vấn đề rất cần được khảo sát trong lĩnh vực nghiên cứu chính sách xã hội từ góc độ xã hội học.

2/ Có các phương pháp xã hội học cụ thể nào để nghiên cứu lĩnh vực chính sách xã hội?

Cũng như trong bất kỳ lĩnh vực nghiên cứu xã hội nào, việc đi tìm một phương pháp tốt nhất cho toàn bộ lĩnh vực nghiên cứu là không hợp lý. Các phương pháp được chọn phải tùy thuộc vào nội dung vấn đề cần nghiên cứu. Hơn nữa trong xã hội học có thuật ngữ "tam giác các cách tiếp cận" hay là "tổ hợp các phương pháp" (triangulation of approaches) để chỉ việc sử dụng nhiều phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu khác nhau nhằm đạt tới khả năng tốt nhất về độ chính xác của các kết quả.

Tuy nhiên vẫn nổi lên một số băn khoăn. Liệu có nên sử dụng các nghiên cứu mẫu trong lĩnh vực nghiên cứu chính sách xã hội không? Theo chúng tôi, trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội và chính sách xã hội các nghiên cứu chọn mẫu là cần thiết (đương nhiên không phải là duy nhất). Lĩnh vực cơ cấu xã hội và chính sách xã hội bao trùm lên toàn bộ tổng thể dân cư như là đối tượng đa dạng của các chính sách. Thiếu các survey, cho dù quy mô vừa phải, rất khó có được các tìm tòi có ý nghĩa khái quát. Vấn đề còn lại là kỹ thuật gì, thủ pháp gì, loại chỉ báo cụ thể nào sẽ được sử dụng trong các survey. Kinh nghiệm của chúng tôi cho thấy, trong các survey này rất nên sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp theo chương trình. Cần hạn chế sử dụng các bảng hỏi (anket) tự ghi vì không đảm bảo độ chính xác, cũng không sử dụng phỏng vấn tự do vì thiếu điều tra viên có trình độ cao. *Chỉ nên bổ sung thông tin bằng một số lượng hạn chế các phỏng vấn sâu do các nghiên cứu viên có kinh nghiệm tiến hành.*

Về phương diện chỉ báo, trong việc nghiên cứu chính sách xã hội thường sử dụng nhiều chỉ báo định tính báo gồm các thang đo những đánh giá, thái độ, tâm thế v.v... và được xử lý phân tích theo các phân nhóm xã hội chi tiết.

Một phương pháp khác rất phù hợp trong nghiên cứu chính sách xã hội là phương pháp quan sát tham dự. Các phóng sự sâu sắc của những nhà báo giàu kinh nghiệm cho chúng ta hình dung tác dụng của phương pháp này. Mặc dù được hiểu như là một phương pháp đối lập với các kỹ thuật nghiên cứu định lượng, các kết quả của quan sát tham dự có thể rất hữu ích cho việc phát triển các vấn đề trong lĩnh vực chính sách xã hội mà có thể giúp hình thành các giả thuyết trước khi triển khai các survey để kiểm định sự đúng đắn của các giả thuyết này.

3/ Một thử nghiệm phương pháp nghiên cứu

Nhằm thử nghiệm vận dụng các quan điểm phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu vừa kể trên, trong đợt khảo sát thực trạng kinh tế - xã hội thủ đô Hà Nội tháng 5-6/1992 vừa qua, chúng tôi đã thử đặt ra một nhóm câu hỏi trong khi phỏng vấn các hộ gia đình. Các câu hỏi này giúp cho việc đo lường về sự cảm nhận, đánh giá tác động của một số lĩnh vực chính sách tới đời sống các gia đình trong 5 năm qua.

Ở đây chúng tôi xem các chủ trương, chính sách mới ban hành là các quyết định quản lý. Theo lý thuyết điều khiển tối ưu, phản ứng của các đối tượng quản quản lý hay là các thông tin ngược là một yếu cần thiết cho quá trình điều khiển. Những đánh giá (tích cực, tiêu cực trung hòa) của các nhóm xã hội đối với các chính sách sẽ cho chúng ta hiểu rõ hơn cách thức tiếp nhận các chính sách này và dự báo các biến đổi tiếp sau.

Câu hỏi trực tiếp được nêu ra trong phần này là: "Trong 5 năm vừa qua, trung ương và thành phố đã ban hành nhiều chủ trương chính sách kinh tế - xã hội theo tinh thần đổi mới. Xin ông (bà) cho biết các chủ trương, chính sách cụ thể sau đây đã có ảnh hưởng như thế nào tới đời sống gia đình ta".

1. Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa và tự do sản xuất kinh doanh.
2. Chính sách tổ chức lại sản xuất, tinh giảm biên chế trong khu vực quốc doanh (QĐ. 217, 176).
3. Chính sách bảo đảm xã hội (y tế, giáo dục, phải trả tiền...)
4. Chính sách bảo đảm trật tự trị an Đô thị. (Chỉ thị 57).
5. Chính sách nhà ở (xóa bỏ bao cấp, cho phép tự xây nhà ở...)

Theo trật tự thì các lĩnh vực chính sách 1 mang tính vĩ mô, bao trùm, là chính sách kinh tế đặc trưng của Đổi mới. Bốn lĩnh vực chính sách còn lại là những lĩnh vực hẹp hơn, và mang nhiều nội dung như là các "chính sách xã hội".

Các kết quả trả lời của 800 hộ gia đình Hà Nội được xử lý và phân tích trên các phân nhóm xã hội và các phân mẫu như sau:

- Các nhóm mức sống (5 mức trên cơ sở một tháp phân tầng xã hội theo mức sống được thiết lập.
- Các nhóm SES (Socio Economic Status) bao gồm các chỉ báo về nghề nghiệp, học vấn, vị thế xã hội.
- Các nhóm gia đình theo đánh giá tăng giảm mức sống 5 năm qua (Thang đo 5 bậc)
- Trong mỗi lĩnh vực chính sách cụ thể.

Kết quả cho thấy có rất nhiều tương quan cụ thể trong việc đánh giá tác động của các chính sách giữa các nhóm xã hội khác nhau và giữa các lĩnh vực chính sách khác nhau. Ở đây chúng phản ánh những logic xã hội hiển hoặc không hiển rất đáng lưu ý. (Ví dụ sự đánh giá cao nhất tác động tích cực của chính sách kinh tế mở cửa thấp nhất trong lĩnh vực chính sách giảm biên, xu hướng đánh giá cao tác động tích cực của các chính sách trong các gia đình khá giả, trên đỉnh tháp phân tầng và xu hướng ngược lại trong các nhóm nghèo, dưới đáy tháp phân tầng v.v...). Các tương quan mạnh, phản ánh các xu thế và logic xã hội này đã cho phép mô tả trên các đồ thị rất rõ nét. Theo chúng tôi, với sự hiệu chỉnh ít nhiều, có thể mô hình hóa các tương quan này dưới dạng hàm số và các công cụ toán học khác để đo lường và dự báo các biến đổi khác. Chẳng hạn "độ căng" của mâu thuẫn giữa các tác động tích cực về kinh tế và tác động tiêu cực về mặt xã hội, đánh giá khả năng bất ổn định xã hội trong điều kiện gia tăng xung lực của chính sách đổi mới kinh tế v.v...

Cũng trên bình diện phương pháp, các nghiên cứu trong lĩnh vực chính sách xã hội, các survey có dung lượng mẫu vừa đủ có thể sử dụng nghiên cứu lặp để đo lường những biến đổi trong thời gian của các tác động chính sách, phục vụ cho việc bổ sung, sửa đổi các quyết định quản lý dưới dạng các chính sách cụ thể.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là một nghiên cứu thử nghiệm về mặt phương pháp. Sẽ còn rất nhiều phương pháp khác có thể được sử dụng. Vì thế rất cần được thảo luận, trao đổi để đi tới một sự phối hợp (triangulation of methods) phục vụ cho các cuộc nghiên cứu đạt kết quả tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Harper Collins Dictionary of Sociology . N. Y. 1991 p. 457 - 458 (Social Policy)
2. Hà Nội: Những biến đổi xã hội trong thời kỳ đổi mới - Bản thảo lần 1 Báo cáo tổng kết đề tài khảo sát thực trạng kinh tế - xã hội Hà Nội. Tháng 5. 1992 - Viện Xã hội học, trang 69-82.